

*FOTO giao: P. TC-KK (chủ tịch) Nam Định*  
**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1573/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 27 tháng 7 năm 2021



**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao kế hoạch năm 2021 cho**  
**Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính và các chế độ tài chính, kế toán hiện hành;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh Nam Định quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2020; Văn bản số 243/UBND-VP6 ngày 12/7/2021 của

UBND tỉnh Nam Định về việc áp dụng giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định; Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Theo đề nghị của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy tại Tờ trình số 8B/TTr-TNXT ngày 31/5/2021, Sở Tài chính tại Tờ trình số 467/TTr-STC ngày 16/7/2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 cho Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao kế hoạch năm 2021 cho Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy, với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch thẩm định
<b>I</b>	<b>Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước</b>	<b>ha</b>	<b>44.499,12</b>
1	Diện tích lúa	ha	25.818,00
2	Mạ, rau, màu, cây CN ngắn ngày, cây vụ đông	ha	3.387,12
3	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	4.691,93
4	Diện tích sản xuất muối	ha	422,01
5	Cây CN dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	ha	1.996,48
6	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	ha	8.183,58
7	Diện tích không được hỗ trợ phải thu	ha	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch doanh thu</b>	<b>1000đ</b>	<b>51.353.714</b>
<b>A</b>	<b>Doanh thu hoạt động chính</b>	<b>1000đ</b>	<b>51.353.714</b>
1	Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	1000đ	51.313.453
2	Doanh thu từ diện tích không được hỗ trợ phải thu	1000đ	
3	Thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi, cho vay,...)	1000đ	200.000
4	Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm trước	1000đ	(164.739)
5	Doanh thu khác	1000đ	5.000
<b>B</b>	<b>Thu hoạt động SXKD phụ</b>	<b>1000đ</b>	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch thẩm định
<b>III</b>	<b>Kế hoạch tổng chi</b>	<b>1000đ</b>	<b>51.153.714</b>
<b>A</b>	<b>Chi sản xuất chính</b>	<b>1000đ</b>	<b>51.153.714</b>
1	Chi hoạt động khai thác CTTL	1000đ	51.153.714
	Trong đó: Chi sửa chữa thường xuyên CTTL	1000đ	15.687.669
2	Chi hoạt động KD khai thác tổng hợp	1000đ	
3	Chi hoạt động tài chính (lãi vay hoạt động KTCTTL)	1000đ	
4	Chi khác	1000đ	
<b>B</b>	<b>Chi hoạt động SXKD phụ</b>	<b>1000đ</b>	
<b>IV</b>	<b>Cân đối thu chi</b>	<b>1000đ</b>	<b>200.000</b>
1	Lãi, lỗ hoạt động sản xuất chính	1000đ	200.000
2	Lãi, lỗ hoạt động sản xuất phụ	1000đ	
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1000đ</b>	<b>160.000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi đầu tư, s.chữa lớn từ NKH, HTNS, CH</b>	<b>1000đ</b>	<b>1.947.967</b>
1	Chi đầu tư, sửa chữa lớn từ nguồn khấu hao	1000đ	1.947.967
2	Chi đầu tư từ nguồn hỗ trợ ngân sách	1000đ	
<b>VII</b>	<b>Kế hoạch ngân sách hỗ trợ</b>	<b>1000đ</b>	<b>51.148.714</b>
1	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	1000đ	51.313.453
2	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thiếu năm trước	1000đ	(164.739)
3	Đề nghị NS cấp đầu tư XD CB các dự án	1000đ	
4	Cấp kinh phí chống hạn	1000đ	
5	Cấp bổ sung vốn điều lệ	1000đ	
<b>VIII</b>	<b>Kế hoạch ngân sách</b>	<b>1000đ</b>	<b>75.000</b>
1	Tiền thuê đất	1000đ	25.000
2	Thuế GTGT	1000đ	
3	Thuế TNDN, môn bài, thuế khác	1000đ	50.000
<b>IX</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1000đ</b>	<b>838.309.650</b>

**Điều 2.** Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021 theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**